TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **14**/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận Hai Bà Trưng, 12 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 và khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 616/2023/ TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1974.

Nơi thường trú: Số 76, phố C, phường H, quận H, thành phố H.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân L**, sinh năm 1968.

Nơi thường trú: Số 135, phố V, phường Đ, quận H, thành phố H.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/01/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/01/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Xuân L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Xuân L xác nhận có 02 con chung là chị Nguyễn Thúy P, sinh năm 1997 và anh Nguyễn Quang K, sinh năm 2003, đều đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, bà O, ông L không yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con và cấp dưỡng cho con, nên Tòa án không xem xét.

2.2. Về tài sản chung, nhà ở chung: Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Xuân L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Xuân L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Xuân L, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí về việc ly hôn. Ghi nhận bà O tự nguyện chịu án phí của ông L. Tổng số tiền án phí bà O phải chịu là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0013911 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, bà O ược nhận lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND quận H;
  (GCNKH số 21, ngày 01/4/1997)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thủy